TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 65/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 29 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 điều 6 và khoản 3 điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc *"yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: 1990; địa chỉ: tổ 53, khu 4, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Trần Tùng D, sinh năm: 1988; địa chỉ: tổ 53, khu 4, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Trần Tùng D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 16-03-2016. Nên hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị H và anh D sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị H và anh D đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị H và anh D đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh D. Xét thấy, việc chị H và anh D thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H và anh D có 01 *(một)* con chung là Trần Hạ V, sinh ngày 02-9-2016; hiện nay sức khỏe của cháu V bình thường. Ly hôn, chị H và anh D thỏa thuận giao con chung Trần Hạ V cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên giữa chị H và anh D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh D thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên giữa chị H và anh D là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị H và anh D thỏa thuận chị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 21-3-2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Trần Tùng D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao con chung là Trần Hạ V, sinh ngày 02-9-2016 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Trần Tùng D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H và anh D thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị H và anh D thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H và anh D thỏa thuận chị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000533 ngày 07-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND TP. H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND phường H1;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga